

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 4 NĂM 2015

HẢI PHÒNG - NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100,768,098,732	139,564,934,915
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40,635,046,676	59,592,063,490
1. Tiền	111		12,285,046,676	13,542,063,490
2. Các khoản tương đương tiền	112		28,350,000,000	46,050,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9,980,544,577	12,036,553,400
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	2,569,907,774	2,872,283,094
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	-1,046,921,530	(935,729,694)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2	8,457,558,333	10,100,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47,037,879,980	62,094,828,636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	38,761,467,025	31,048,937,416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8,797,002,804	32,785,601,113
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2,417,965,408	905,517,835
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-2,938,555,257	(2,645,227,728)
IV. Hàng tồn kho	140		1,596,842,940	4,631,762,515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,596,842,940	4,631,762,515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,517,784,559	1,209,726,874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,019,084,760	440,306,038
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		498,699,799	289,745,015
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		0	23,700,621
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	455,975,200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		151,902,267,641	109,580,146,050
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35,061,001,718	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.9	32,319,981,684	
4. Phải thu dài hạn khác	216		2,741,020,034	
II. Tài sản cố định	220	V.10	38,420,565,501	29,604,039,694
1. Tài sản cố định hữu hình	221		33,852,146,244	29,604,039,694
- Nguyên giá	222		118,703,060,707	111,778,717,385
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-84,850,914,463	(82,174,677,691)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4,568,419,257	
- Nguyên giá	228		4,576,046,000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-7,626,743	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		41,308,958,414	41,230,884,914
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	41,308,958,414	41,230,884,914
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35,340,307,522	36,324,428,813
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	3,600,000,000	3,600,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	33,594,424,002	34,094,424,002
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	-1,854,116,480	(1,369,995,189)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,771,434,486	2,420,792,629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	1,771,434,486	1,670,563,054
2. Tài sản dài hạn khác	268		0	750,229,575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252,670,366,373	249,145,080,965

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		86,937,724,936	103,944,911,960
I. Nợ ngắn hạn	310		34,350,370,262	51,335,565,839
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	17,643,751,402	15,276,348,617
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	775,906,500	21,980,097,717
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	4,077,955,032	3,641,708,332
4. Phải trả người lao động	314		5,849,667,878	5,965,106,053
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	3,457,453,472	1,957,606,449
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		726,981,816	
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	1,586,775,980	1,409,809,043
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	231,878,182	1,104,889,628
II. Nợ dài hạn	330		52,587,354,674	52,609,346,121
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	52,587,354,674	52,339,563,292
2. Doanh thu chưa thực hiện	338			269,782,829
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165,732,641,437	145,200,169,005
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	165,732,641,437	145,200,169,005
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20,000,000,000	20,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	415		-20,000	-20,000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		12,315,446,218	2,746,758,303
5. Quỹ dự phòng tài chính	420		0	6,000,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43,417,215,219	26,453,430,702
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25,995,248,480	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17,421,966,739	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252,670,366,373	249,145,080,965

Hải phòng, ngày 15 tháng 2 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thu Hà

Đạm Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Q4/2015	Năm trước Q4/2014	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59,162,195,401	64,735,779,238	238,837,341,426	242,391,368,843
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.1	59,162,195,401	64,735,779,238	238,837,341,426	242,391,368,843
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54,235,027,208	59,591,223,448	215,121,108,624	218,094,369,180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4,927,168,193	5,144,555,790	23,716,232,802	24,296,999,663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,088,666,849	1,536,723,514	5,124,009,387	3,499,513,703
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	497,859,555	108,984,331	802,458,144	213,626,571
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	279,696,953		279,696,953	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1,653,882,321	1,691,630,682	5,587,480,614	5,043,178,470
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		4,584,396,213	4,880,664,291	22,170,606,478	22,539,708,325
11. Thu nhập khác	31	VI.7	147,946,755	1,877,856,937	926,210,709	2,929,880,585
12. Chi phí khác	32	VI.8	235,566,180	509,836,929	396,867,119	725,531,187
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40		-87,619,425	1,368,020,008	529,343,590	2,204,349,398
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,496,776,788	6,248,684,299	22,699,950,068	24,744,057,723
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		832,725,693	2,250,000,000	4,654,331,719	5,480,137,146
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lãi sau thuế nhà 163 NVT phải trả VNL				143,190,606		449,336,767
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 -51 -52)	60		3,664,051,095	3,855,493,693	18,045,618,349	18,814,583,810
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	407	428	2,005	2,091

Hải phòng, ngày 15 tháng 2 năm 2016

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thu Hà

Đâu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		253,613,430,997	270,417,911,097
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(191,086,516,488)	(197,583,855,930)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32,073,495,489)	(30,434,897,957)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	(76,889,355)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4,029,536,403)	(5,801,688,983)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43,249,956,594	13,878,107,363
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(80,135,289,936)	(40,789,923,613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10,461,450,725)	9,608,762,622
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,412,093,216)	(3,513,438,687)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		566,000,000	423,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,200,000,000)	(10,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,005,000,000	144,600,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		587,996,253	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,501,815,251	2,193,163,482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,048,718,288	(10,902,675,205)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	350,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	(910,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,722,791,170)	(1,871,652,750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,722,791,170)	(2,431,652,750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 40+ 30 + 20)	50		(19,135,523,607)	(3,725,565,333)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		59,592,063,490	63,264,967,166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		178,506,793	52,661,657
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		40,635,046,676	59,592,063,490

Hải phòng, ngày 15 tháng 2 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Thu Hà

Đậu Anh Dũng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng; kinh doanh nhà; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Đóng tàu, cấu kiện nổi; Đại lý, môi giới, đấu giá; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Cho thuê xe có động cơ; Sản xuất xe có động cơ; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bốc xếp hàng hoá.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

6. Khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không so sánh được với báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do có sự thay đổi về chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng giám đốc cam kết tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

Đầu tư dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm Chi phí mua, chế biến và các chi phí khác nếu có để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	03 – 07

4.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử, ... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản công trình, tài sản

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và các chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện giá gốc

4.10 Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán và thuế, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Trong việc xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	1.721.216.109	1.773.832.754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.563.830.567	11.768.230.736
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	28.350.000.000	46.050.000.000
Cộng	40.635.046.676	59.592.063.490

V.2 Các khoản đầu tư tài chính**V.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chứng khoán kinh doanh	2.569.907.774	2.872.283.094
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-1.046.921.530	-935.729.694
Cộng	1.522.986.244	1.936.553.400

V.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	8.457.558.333	10.100.000.000
Cộng	8.457.558.333	10.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết chứng khoán kinh doanh

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng (VNĐ)	Số lượng	Dự phòng (VNĐ)	Số lượng	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)	Số đầu năm	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Dự phòng (VNĐ)
	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng									
Công ty CP hàng hải Hà Nội (MHC)	0	0	0	0	0	3.027	0	3.027	86.815.067	-38.382.067	86.815.067	-38.382.067	
Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)	10.824	383.929.077	383.929.077	-143.636.277	-143.636.277	8.200	-143.636.277	8.200	383.929.077	-158.429.077	383.929.077	-158.429.077	
Công ty CP tập đoàn Hoa Sen (HSG)	936	32.000.000	32.000.000	-2.516.000	-2.516.000	720	-2.516.000	720	32.000.000	2.200.000	32.000.000	2.200.000	
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) *	0	0	0	0	0	298	0	298	46.250.000	-2.150.000	46.250.000	-2.150.000	
Công ty CP thủy sản Bến Tre (ABT)	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	30.000.000	-20.200.000	30.000.000	-20.200.000	
Công ty CP Nam Việt (ANV)	0	0	0	0	0	1.400	0	1.400	10.430.000	7.770.000	10.430.000	7.770.000	
Công ty CP cáp và vật liệu viễn thông (SAM)	3.330	203.749.750	203.749.750	-62.557.750	-62.557.750	3.330	-62.557.750	3.330	203.749.750	-107.512.750	203.749.750	-107.512.750	
Công ty CP đại lý liên hiệp vận chuyển (GMD)	19.272	742.645.500	742.645.500	-256.991.100	-256.991.100	21.426	-256.991.100	21.426	783.530.500	-179.317.300	783.530.500	-179.317.300	
Công ty CP cơ điện lạnh (REE)	5	85.344	85.344	0	0	1.980	0	1.980	58.290.000	0	58.290.000	0	
Công ty CP tập đoàn Hoà Phát (HPG)	3.593	237.948.000	237.948.000	-64.406.100	-64.406.100	2.500	-64.406.100	2.500	237.948.000	-87.948.000	237.948.000	-87.948.000	
Công ty CP đầu tư và phát triển công nghệ FPT (FPT)	74	1.789.603	1.789.603	-553.803	-553.803	11.474	-553.803	11.474	277.485.200	-218.760.500	277.485.200	-218.760.500	
Tổng công ty CP dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PVS)	15.000	272.760.500	272.760.500	-238.260.500	-238.260.500	15.000	-238.260.500	15.000	272.760.500	-218.760.500	272.760.500	-218.760.500	
Công ty CP vận tải biển Vinaship (VNA)	10.000	195.000.000	195.000.000	-168.000.000	-168.000.000	10.000	-168.000.000	10.000	195.000.000	-133.000.000	195.000.000	-133.000.000	
Công ty CP vận tải biển Việt Nam (VOS)	50.000	500.000.000	500.000.000	-110.000.000	-110.000.000	0	-110.000.000	0	0	0	0	0	
Công ty CP Vinalines Logistic Việt Nam													
Cộng		2.569.907.774	2.569.907.774	-1.046.921.530	-1.046.921.530		-1.046.921.530		2.872.284.094	-935.729.694	2.872.284.094	-935.729.694	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

V.3 Phải thu khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Cảng Phước Long	5.012.185.994	2.535.107.709
Công ty CP xi măng Công Thanh	470.000.000	
Công ty CP phân bón dầu khí Cà Mau	311.300.000	
Công ty TNHH vận tải và xây dựng HTN	526.151.099	619.093.024
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	535.119.210	748.468.900
Công ty TNHH Hanjin Việt Nam	465.970.849	381.456.153
Công ty TOYOTA Việt Nam	3.740.427.130	3.227.045.547
Công ty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	363.865.000	962.090.800
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	768.997.790	915.085.650
BEACON INTERMODAL Leasing., LLC	1.624.543.577	23.980.076
CAI INTERNATIONAL., INC	1.249.238.790	746.754.821
Các khoản phải thu khách hàng khác	23.693.667.586	22.575.675.283
Cộng	38.761.467.025	31.048.937.416

V.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Địa ốc 10	0	28.906.813.597
Công ty CP bất động sản Nova Lexington	7.158.748.052	
Các khoản khác	1.638.254.752	3.878.787.516
Cộng	8.797.002.804	32.785.601.113

V.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Phải thu về tiền lãi Ngân hàng	269.867.789	452.225.500
Công ty CP XD công trình giao thông 710	227.107.478	38.360.449
Công ty TNHH MTV san lấp mặt bằng Long Bình	378.752.000	0
Các khoản phải thu khác	1.542.238.141	453.291.656

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cộng	2.417.965.408	905.517.835
-------------	----------------------	--------------------

V.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

		Năm nay VND
Số đầu năm		-2.645.227.728
Số trích trong năm		301.469.642
Hoàn nhập dự phòng		8.142.113
Số cuối năm		-2.938.555.257

V.7 Hàng tồn kho

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Nguyên vật liệu	772.634.880	4.041.353.810
Hàng hoá	295.690.140	590.408.705
Hàng mua đang đi trên đường	528.517.920	
Cộng	1.596.842.940	4.631.762.515

V.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.019.084.760	440.306.038
Cộng	1.019.084.760	440.306.038

V.9 Trả trước cho người bán dài hạn

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP Địa ốc 10	30.886.813.597	0
Cty TNHH MTV san lấp mặt bằng Long Bình	1.220.000.000	
Công ty CP XD công trình giao thông 710	213.168.087	0
Cộng	32.319.981.684	0

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

V.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	65.159.267.298	24.367.013.328	19.656.543.275	306.159.120	2.289.734.364	111.778.717.385
Mua trong năm	2.953.900.690	3.180.000.000	2.123.861.819	56.250.000	1.260.000.000	9.574.012.509
Thanh lý, nhượng bán	134.751.998	32.950.000				167.701.998
Giảm khác	2.481.967.189					2.481.967.189
Số cuối kỳ	65.496.448.801	27.514.063.328	21.780.405.094	362.409.120	3.549.734.364	118.703.060.707
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	48.876.495.485	22.755.872.619	9.116.128.204	293.101.170	1.133.080.213	82.174.677.691
Khấu hao trong năm	2.154.842.054	466.958.037	2.210.620.179	13.057.950	394.671.242	5.240.149.462
Thanh lý, nhượng bán	125.539.427	13.552.019				139.091.446
Giảm khác	2.424.821.244					2.424.821.244
Số dư cuối kỳ	48.480.976.868	23.209.278.637	11.326.748.383	306.159.120	1.527.751.455	86.022.744.120
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	16.282.771.813	1.611.140.709	10.540.415.071	13.057.950	1.156.654.151	29.604.039.694
Số cuối năm	17.015.471.933	4.304.784.691	10.453.656.711	56.250.000	2.021.982.909	33.852.146.244

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

V.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá	4.576.046.000	4.576.046.000
Số dư đầu năm	0	0
Mua trong năm	4.576.046.000	4.576.046.000
Giá trị hao mòn lũy kế	7.626.743	7.626.743
Số dư đầu năm	0	0
Khấu hao trong năm	7.626.743	7.626.743
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	0	0
Tại ngày cuối năm	4.568.419.257	4.568.419.257

V.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình (*)	31.374.394.952	31.314.321.452
Dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước Long A	9.812.018.007	9.812.018.007
Dự án bãi container Đình Vũ	122.545.455	104.545.455
Cộng	41.308.958.414	41.230.884.914

V.13 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu (*)	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	3.600.000.000	3.600.000.000

(*) Công ty góp vốn vào Công ty CP dịch vụ hàng hải Hải Âu với tỷ lệ vốn góp là 27,73% vốn điều lệ.

V.14 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Cuối quý VND	Đầu năm VND
-----------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines	33.594.424.002	33.594.424.002
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam(*)	0	500.000.000
Cộng	33.594.424.002	34.094.424.002

(*) Kết chuyển khoản đầu tư vào Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam (MCK: VLG) sang tài khoản chứng khoán kinh doanh.

V.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay
	VND
Số đầu năm	-1.369.995.189
Số trích trong năm	-484.121.291
Hoàn nhập dự phòng	0
Cộng	-1.854.116.480

V.16 Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa bãi Chùa Vẽ	83.451.687	418.990.909	128.794.539	373.648.057
Chi phí sửa chữa văn phòng	212.796.507		212.796.507	0
Chi phí CCDC tại bãi Nam Hoà	1.313.032.564	724.000.000	697.809.606	1.339.222.958
Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	61.282.296	54.108.180	56.827.005	58.563.471
Cộng	1.670.563.054	1.197.099.089	1.096.227.657	1.771.434.486

V.17 Phải trả người bán

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH khai thác container Việt Nam	8.694.388.167	7.379.871.567
Công ty TNHH Ngọc Khang	489.080.000	804.640.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty xăng dầu khu vực 3 – TNHH MTV	503.598.685	795.742.392
Gold Container Leasing PTE Ltd	0	1.272.174.652
Các khoản phải trả khách hàng khác	7.956.684.550	5.023.920.006
Cộng	17.643.751.402	15.276.348.617

V.18 Người mua trả tiền trước

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Công ty CP đầu tư và phát triển SACA	0	21.592.350.000
Các khoản khác	775.906.500	387.747.717
Cộng	775.906.500	21.980.097.717

V.19 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	306.324.031	8.798.433.236	8.610.894.758	493.862.508
Thuế GTGT hàng nhập khẩu				
Thuế xuất, nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.536.403	9.102.822.902	8.878.469.889	3.353.889.416
Thuế thu nhập cá nhân	97.779.625	1.162.197.602	1.110.484.665	149.492.562
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.000.000	4.372.181.200	4.372.181.200	20.000.000
Các loại thuế khác	88.068.273	909.903.458	937.261.186	60.710.545
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		29.204.640	29.204.640	
Cộng	3.641.708.332	24.374.743.038	23.938.496.338	4.077.955.032

V.20 Chi phí phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí khai thác bãi	2.962.268.955	1.542.749.137
Phí kiểm toán BCTC 2015	90.909.091	90.909.091

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phải trả khác	404.275.426	323.948.221
Cộng	3.457.453.472	1.957.606.449

V.21 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	137.009.065	232.655.246
Tiền cổ tức phải trả	0	273.333.670
Hoạt động khai thác nhà 163 NVT	523.416.770	538.606.739
Phải trả, phải nộp khác	926.350.145	903.820.127
Cộng	1.586.775.980	1.409.809.043

V.22 Quỹ hội đồng quản trị, phúc lợi

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ HĐQT	0	602.701.916
Quỹ phúc lợi	231.878.182	502.187.712
Cộng	231.878.182	1.104.889.628

V.23 Phải trả dài hạn khác

	Cuối quý	Đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.118.500.000	1.647.469.900
Khoản góp vốn của CBCNV thực hiện dự án		
Bắc Rạch Chiếc - Phước Bình	43.977.775.000	43.777.775.000
Lãi tiền gửi dự án Bắc Rạch Chiếc - Phước		
Bình	7.491.079.674	6.914.318.392
Cộng	52.587.354.674	52.339.563.292

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

V.24 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	20.000.000.000	0	13.424.128.509	5.984.147.634	39.825.635.987	139.233.912.130
Lãi trong năm trước						19.263.920.577	19.263.920.577
Trích lập các quỹ trong năm trước				184.680.350	15.852.366	-3.186.789.095	-2.986.256.379
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	10.000.000.000			-10.000.000.000		0	0
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối	20.000.000.000					0	0
Mua lại cổ phiếu lẻ			-20.000			-20.000.000.000	-20.000
Nộp về quỹ hỗ trợ SXDN Vinalines				-862.050.556		-9.000.000.000	-862.050.556
Chi cổ tức năm 2013 (15% VĐL)						-9.000.000.000	-9.000.000.000
LNST nhà 163 NVT phải trả VNL						-449.336.767	-449.336.767
Số dư cuối năm trước	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	2.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	8.746.758.303	6.000.000.000	26.453.430.702	145.200.169.005
Lãi trong năm nay						18.045.618.349	18.045.618.349
Tăng LNST theo kết luận của KTTN					0	15.415.669.998	15.415.669.998
Trích lập các quỹ trong năm nay				3.568.687.915		-3.568.687.915	
Trích quỹ HDT, quỹ PL						-2.128.818.315	-2.128.818.315
Chia cổ tức năm 2014 (12% VĐL)						-10.799.997.600	-10.799.997.600
Số dư cuối kỳ này	90.000.000.000	20.000.000.000	-20.000	12.315.446.218	0	43.417.215.219	165.732.641.437

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI
 Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Chi tiết đầu tư của Vốn chủ sở hữu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	-20.000	-20.000
Cộng	109.999.980.000	109.999.980.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.799.997.600	9.000.000.000
Cộng	10.799.997.600	9.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối quý VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-2	-2
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-2	-2
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.999.998	8.999.998
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.999.998	8.999.998
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ		
Cộng	8.999.998	8.999.998

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/15 VND	Quý 4/14 VND
Doanh thu bán hàng hoá	11.809.175.003	17.215.509.174

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.353.020.398	47.520.270.064
Cộng	59.162.195.401	64.735.779.238

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hoá đã cung cấp	11.350.524.170	16.904.578.968
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.884.503.038	42.686.664.480
Cộng	54.235.027.208	59.591.223.448

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	991.176.826	1.392.163.284
Cổ tức, lợi nhuận được chia	726.660.000	100.662.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	326.517.203	43.897.630
Hoạt động khác	44.312.820	0
Cộng	2.088.666.849	1.536.723.514

4. Chi phí tài chính

	Quý 4/15 VND	Quý 4/14 VND
Chi phí lãi vay	0	20.370.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.176.634	15.995.140
Chi phí khác	447.520.319	72.619.191
Cộng	497.696.953	108.984.331

5. Chi phí bán hàng

	Quý 4/15 VND	Quý 4/14 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	0	279.695.953
Cộng	0	279.695.953

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/15 VND	Quý 4/14 VND
--	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi phí nhân viên quản lý	121.401.270	226.672.478
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.308.274	61.460.949
Chi phí dự phòng	131.218.851	401.905.321
Chi phí bằng tiền khác	344.257.832	591.082.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.589.945	362.312.450
Chi phí khác	142.106.149	48.196.865
Cộng	1.653.882.321	1.691.630.682

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/15	Quý 4/14
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.934.114.199	2.226.502.639
Chi phí nhân công	8.423.307.609	8.097.872.562
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.234.325.004	997.652.292
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.643.280.396	48.269.195.955
Chi phí bằng tiền khác	1.933.579.274	1.691.630.682
Cộng	56.168.606.482	61.282.854.130

8. Thu nhập khác

	Quý 4/15	Quý 4/15
	VND	VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản	0	0
Thu các khoản nợ không xác định được chủ nợ		1.606.084.791
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	0	0
Thu nhập kinh doanh năm trước ghi sót	9.335.400	
Thu nhập khác	138.611.355	271.772.146
Cộng	147.946.755	1.877.856.937

9. Chi phí khác

	Quý 4/15	Quý 4/15
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	0	161.232.496
Bị phạt thuế, truy nộp thuế	15.000.000	150.857.536
Chi phí khác	220.566.180	197.746.897

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cộng	235.566.180	509.836.929
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Quý 4/2015	Quý 4/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.664.051.095	3.998.684.299
Các khoản điều chỉnh tăng ,giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	0	-143.190.606
<i>Lợi nhuận liên doanh chia cho Tổng công ty Hàng hải Việt Nam</i>	0	-143.190.606
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu lưu hành bình quân	3.664.051.095	3.855.493.693
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.999.998	8.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	407	428

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Quý 4/15	Quý 4/14
	VND	VND
Chi cổ tức năm	0	0
Chi phí khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	0	143.190.606

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, công nợ với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Cổ tức phải trả	0	273.333.670
Khấu hao toà nhà 163 Nguyễn Văn Trỗi, lãi		
hợp đồng hợp tác liên doanh	523.416.770	538.606.739
Công nợ phải trả	523.416.770	811.940.409

2. Nợ tiềm tàng

Trong năm 2007 và 2008, Công ty có ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12/11/2007, số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14/11/2007 và số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30/01/2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”). Theo đó, Công ty bàn giao cho SACA 18.137 m² đất tại Khu quy hoạch Dự án Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc tại phường Phước Long A và Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, đổi lại SACA bàn giao cho Công ty 2.943,27 m² đất nền có cơ sở hạ tầng và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Công ty đã bàn giao và SACA đã nhận 18.137 m² đất và SACA đã bàn giao cho Công ty 2.943,27 m² đất nền có cơ sở hạ tầng. Tổng giá trị bồi thường của SACA cho ba hợp đồng trên là 32.280.510.000 đồng (bao gồm thuế GTGT) tương ứng với 2.511,05 m² đất nền có cơ sở hạ tầng, còn 432,22 m² đất nền có hạ tầng thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng Công ty chưa thực hiện ký hợp đồng bồi thường với SACA. Năm 2007, Công ty đã ghi nhận doanh thu 10.688.160.000 đồng (bao gồm thuế GTGT). Phần còn lại của số tiền nhận bồi thường được báo cáo trên khoản mục người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán.

Trong nhiều năm, trong diện tích 65.651 m² đất Công ty đã đền bù bị Công ty TNHH Vĩnh Lộc lấn chiếm 6.748 m², trong phần đất lấn chiếm này đó có 3.604 m² đất mà Công ty đã bàn giao cho Công ty SACA.

Ngày 28/7/2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty TNHH Vĩnh Lộc tại phường Phước Long A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nội dung quyết định trên, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường đã xác định rõ: Công ty đã hoàn thành việc đền bù 65.651 m² đất để thực hiện dự án, không có trường hợp nào thắc mắc khiếu nại và việc Công ty TNHH Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng 6.748 m² đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết, việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty TNHH Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀNG HẢI

Số 11 Võ Thị Sáu, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Với các căn cứ trên và sau khi xem xét toàn diện sự việc, Bộ Tài Nguyên và Môi trường đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m² đất (thuộc khu I) cho Công ty cổ phần Phát triển hàng hải, giao UBND Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty cổ phần Phát triển hàng hải và Công ty TNHH Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận nêu trên.

Thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề việc thực hiện đề án “Tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là tập đoàn KT, TCT nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải ngày 23/9/2015, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đối với khoản doanh thu đủ điều kiện ghi nhận là khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của diện tích đất đã bàn giao cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển SACA số tiền là: 15.415.669.998 đồng.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 2 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Đặng Anh Dũng

Tổng giám đốc



Nguyễn Văn Dũng